

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN ONG VÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN ONG VÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLDEN BEE CONSULTING AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GOLDEN BEE CONSULTING AND SERVICE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110050388

**3. Ngày thành lập:** 04/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18/3E Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914681555

Fax:

Email: huongnt.kt1982@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                          | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                  | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn chè, thủy sản, rau củ quả, thịt và các sản phẩm từ thịt, đường, sữa, bánh kẹo                          | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                             | 4651     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                              | 4652     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm gia dụng bằng kim loại                                     | 4669     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh           | 8299     |
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                       | 9511     |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                             | 6202     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                 | 6209     |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                              | 6311     |
| 13. | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết: - Dịch vụ làm thủ tục về thuế                                         | 6920     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020(Chính) |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 17. | In ấn<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1811        |
| 18. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1812        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng                                                                                                                                                                                                                                                         | 5610        |
| 20. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5820        |
| 21. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6190        |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không<br>kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                         | 7730        |
| 23. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7911        |
| 24. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7912        |
| 25. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá<br>và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                    | 7990        |
| 26. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp<br>(trừ dịch vụ bảo vệ, kế toán, bưu chính)                                                                                                                                                                                                                                                         | 8211        |
| 27. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc<br>biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                               | 8219        |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                 | 4741        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ gia đình, hàng gốm, sứ, hàng thủy<br>tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, hàng đan lát bằng tre, song,<br>mây và vật liệu tết bện | 4759        |
| 30. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng<br>chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                               | 4761        |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ                                                                                                                                                                                                                          | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI THÀNH TRUNG  | Việt Nam  | Khu 3B, Thị trấn Quỳnh Côi, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam              | 200.000.000           | 40,000    | 151211112                                                                                               |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HUỠNG | Việt Nam  | Số 18/3E Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 300.000.000           | 60,000    | 001182007809                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 08/07/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001182007809

Ngày cấp: 11/05/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 18/3E Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 18/3E Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội